TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 432/2019/DS-ST
Ngày: 14-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố H.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 632/2018/TLST-DSST ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2019/QĐST- DS ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thúy H, sinh năm 1959(có mặt).
Địa chỉ: 18B đường 3/2, Phường 12, Quận D, Thành phố H.

- Bị đơn:
1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 (có mặt).
2. Bà Lê Thị Kim P, sinh năm (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: 343/4 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận D, Tp. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2018 và tại bản tự khai của nguyên đơn bà Hà Thúy H trình bày như sau:

Bà H có quen biết cũng như làm ăn chung với vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Kim P. Ông L và bà P có mở nhiều dây hụi và Bà H cũng là những người tham gia dây hụi của ông L và bà P. Ngoài ra, ông L và bà P cũng nhiều lần hỏi vay tiền Bà H để làm ăn và trả tiền hụi cho các hụi viên. Khi biết được ông L và bà P mất khả năng thanh toán thì Bà H cùng các chủ nợ khác tố cáo ông L và bà P

tại công an Quận D. Tại biên bản ghi lời khai của Đội cảnh sát điều tra tội phạm và trật tự xã hội công an Quận D đối với Nguyễn Văn L thì ông L thừa nhận có thiếu Bà H 4.250.000.000 đồng. Quá trình làm việc Bà H nhiều lần yêu cầu ông L và bà P trả lại số tiền còn thiếu nhưng không được. Nay tại Tòa Bà H yêu cầu ông L và bà P hoàn trả lại số tiền nợ còn thiếu là 2.050.000.000 đông và tiền hụi là 2.200.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L tại các bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay đều thừa nhận có nợ Bà H số tiền hụi và tiền nợ như trên. Tuy nhiên, ông có trả cho Bà H nhiều lần tiền lãi nhưng không nhớ là bao nhiêu cũng như không có chứng cứ về việc trả lãi đối với số tiền này. Ông thừa nhận toàn bộ số tiền thiếu của Bà H là thuộc nghĩa vụ của ông không liên quan đến bà P. Nay ông và bà P không còn chung sống với nhau và cũng không biết hiện nay bà P đang ở đâu. Hiện nay vì hoàn cảnh khó khăn, bản thân đang bệnh nên không có khả năng trả nợ nên xin được trả dần số nợ trên.

Bị đơn bà Lê Thị Kim P vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: ông L và bà P có viết giấy vay tiền Bà H nhưng hết thời hạn ông L và bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ cũng như không trả tiền chơi hụi của Bà H nên Bà H khởi kiện yêu cầu ông L và bà P trả số tiền còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và nợ hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn ông L và bà P cư trú tại Quận D, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố H.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn bà P đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà P.

[4] Xét hình thức và nội dung các giấy vay tiền ngày 04/10/2008 số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; 05/10/2008 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; 01/11/2008 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; 23/9/2008 số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, 24/9/2008 số tiền 400.000.000(bốn trăm

triệu) đồng, 18/10/2009 số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, 30/11/2009 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Riêng giấy nợ ngày 08/8/2009 số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và 10.000 (mười ngàn)USD do các bên giao dịch bằng ngoại tệ nên vi phạm Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối "trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối". Do đó, đối với giấy nợ này các bên vi phạm đối với số tiền 10.000 (mười ngàn) USD nên Hội đồng xét xử sẽ giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh tóan số tiền nợ gốc còn thiếu, Hội đồng xét xử nhận thấy và phân tích như sau: căn cứ các giấy vay tiền tại phần [4] có chữ ký ghi tên ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Kim P. Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, Bà H đều xác nhận ông L và bà P chưa trả cho bà bất kỳ khoản tiền nào gồm cả gốc và lãi. Quá trình giải quyết vụ án ông L đều thừa nhận có nợ tiền Bà H nhưng đã trả lãi cho Bà H cũng như đây là việc làm ăn giữa ông và Bà H không liên quan đến bà P nên ông sẽ tự chịu trách nhiệm. Mặc khác, bà P vắng mặt trong quá trình tòa giải quyết vụ án nhưng có chữ ký tại các giấy nợ và ông L cũng khai nhận chính bà P là người đi nhận tiền từ Bà H giao lại cho ông L. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định " Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu… mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, ông L khai đã trả lãi có Bà H và tiền nợ này là trách nhiệm của ông L nhưng không có chứng cứ chứng minh cũng như không được Bà H thừa nhận. Đối với giấy vay tiền ngày 08/8/2009 Bà H có cho ông L vay số tiền 10.000 USD và căn cứ quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005 thì Bà H và ông L không được phép giao dịch bằng ngoại tệ nên vô hiệu đối với số tiền này và ông L,bà P trả lại số tiền này tương đương bằng tiền đồng Việt Nam cho Bà H. Mặc khác, Bà H chỉ yêu cầu ông L và bà P trả lại số nợ gốc còn thiếu không yêu cầu tính lãi nên đối với các khỏan vay bằng tiền Việt Nam đồng cũng như tiền vay bằng ngoại tệ thì bị đơn đều trả lại số tiền đã nhận từ Bà H. Cụ thể:

[5.1] Vay: Ngày 04/10/2008 số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; ngày 05/10/2008 số tiền 100.000.000(một trăm triệu)đồng; ngày 01/11/2008 số tiền 100.000.000(một trăm triệu)đồng; ngày 23/9/2008 số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, ngày 24/9/2008 số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, ngày 18/10/2009 số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, ngày 30/11/2009 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu). Tổng cộng 1.650.000.000 (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng.

[5.2] Vay: Ngày 08/8/2009 số tiền 200.000.000(hai trăm triệu) đồng và 10.000 (mười ngàn) USD theo tỷ giá tại thời điểm vay hai bên thỏa thuận là 1USD = 20.000 (hai mươi ngàn) đồng = 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định ông L và bà P còn nợ Bà H số tiền 2.050.00.000 đồng.

[6] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại tiền nợ hụi còn thiếu, Hội đồng xét xử nhận thấy và phân tích như sau: Căn cứ vào biên bản ghi lời khai của Đội cảnh sát điều tra tội phạm và trật tự xã hội công an Quận D đối với Nguyễn Văn L thì ông L thừa nhận có thiếu Bà H 4.250.000.000 đồng. Tại Tòa ông L cũng xác nhận trừ đi tiền vay thì tiền hụi là 2.200.000.000 đồng. Nhận thấy, ông L khai nhận vay tiền của Bà H để trả cho các hụi viên cũng như giải quyết công việc của ông, bà P là người đi nhận tiền vay của Bà H để đưa cho ông L và số tiền này bà P cũng biết sử dụng vào việc gì. Bà H cũng xác nhận bà P biết việc ông L tổ chức các dây hụi và là người tính toán tiền hụi cho ông L. Tại tờ giấy tính toán tiền hụi của Bà H do ông L xuất trình thì đây là chữ viết của bà P. Theo quy định tại khỏan 4 Điều 18 và khoản 3 Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP về họ, hụi, bêu, phường ngày 19/02/2019 thì chủ họ phải Giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông L và bà P trả số tiền hụi còn thiếu là 2.200.00.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng

[7] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền chậm thực hiện nghĩa vụ khi vi phạm thời hạn trả nợ theo các cam kết trong giấy vay tiền.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 119; Điều 471; khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[1] Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Kim P thanh toán cho bà Hà Thúy H số tiền 1.850.000.000 (một tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng theo các giấy vay tiền ngày 04/10/2008; ngày 05/10/2008; ngày 01/11/2008; ngày 23/9/2008, ngày 24/9/2008; ngày 18/10/2009; ngày 30/11/2009 và ngày 08/8/2009

[2] Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Kim P thanh toán cho bà Hà Thúy H số tiền nợ hụi là 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng.

Tổng cộng là 4.050.000.000 (bốn tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành

còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Vô hiệu một phần nội dung giấy vay tiền ngày 08/8/2009 đối với số tiền 10.000USD. Ông L và bà P có trách nhiệm trả lại cho Bà H só tiền tương đương là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm là 112.250.000 (một trăm mười hai triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, ông L và bà P chịu.

Trả lại cho bà Hà Thúy H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.125.000 (năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0016823 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận D, Thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Nhàn